

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**



**NGUYỄN THỊ MINH NGỌC**

**TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI**  
**VĂN PHÒNG THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN**

**Mã số: 8340301**

**Đà Nẵng - Năm 2026**

Công trình được hoàn thành tại  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hà Phước Vũ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Đề án tốt nghiệp sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán hợp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày ..... tháng ..... năm .....

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

## MỞ ĐẦU

### 1. Bối cảnh của đề án

Thành phố Đà Nẵng là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, du lịch. Số lượng doanh nghiệp do cơ quan Thuế thành phố quản lý không ngừng gia tăng, đồng thời quy mô hoạt động cũng ngày càng mở rộng. Trong nền kinh tế của mỗi quốc gia, thuế luôn được coi là mối quan tâm hàng đầu của mọi Nhà nước, bởi thuế không chỉ là công cụ quan trọng của Nhà nước để quản lý nền kinh tế mà còn là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Trong hệ thống chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam, thuế Giá trị gia tăng là một trong những sắc thuế có vai trò quan trọng không chỉ trên góc độ là công cụ rất mạnh của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh hợp lý, mà còn về ý nghĩa đóng góp số thu lớn cho ngân sách nhà nước hàng năm.

Trong những năm qua, cùng với tiến trình cải cách hệ thống thuế cả nước, quản lý thu thuế tại Thuế thành phố Đà Nẵng đã có những bước chuyển biến căn bản. Tổ chức quản lý thu thuế từng bước được cải cách, hiện đại hoá; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thuế ngày càng được nâng lên. Công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đã đạt được một số kết quả nhất định, kết quả thu thuế năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập, nguyên nhân là do lợi dụng chủ trương và chính sách thông thoáng trong công tác quản lý thuế, doanh nghiệp đã tìm mọi cách để gian lận thuế, khai sai số thuế, trốn thuế, mua bán hóa đơn để hưởng lợi. Trong lúc nguồn lực quản lý thuế của cơ quan thuế có giới hạn, quy trình quản lý thuế còn thủ công, thiếu đồng bộ trong kết nối dữ liệu, từ đó cơ quan thuế

phải chịu nhiều sức ép trong việc làm sao để hạn chế được tình trạng gian lận thuế giá trị gia tăng nhằm đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo được mối quan hệ hài hòa, tốt đẹp giữa cơ quan thuế và người nộp thuế, đảm bảo tính công bằng minh bạch của chính sách thuế.

Do đó, việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm từng bước nâng cao hiệu quả quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp trên địa bàn có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố chất lượng công tác thuế, đồng thời góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của Đà Nẵng.

Xuất phát từ tình hình thực tế và tầm quan trọng của công tác quản lý thuế giá trị gia tăng hiện nay, tôi chọn đề tài “Tăng cường công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng” làm Đề án tốt nghiệp của mình nhằm đánh giá đúng thực trạng quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp hiện nay và tìm ra các giải pháp thiết thực để tăng cường công tác kiểm soát thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng.

## **2. Mục tiêu và phạm vi nghiên cứu**

Mục tiêu: Tìm hiểu công tác quản lý thuế giá trị gia tăng (GTGT) của doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, đánh giá một cách toàn diện những kết quả đạt được, hạn chế trong công tác quản lý thuế GTGT đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT, góp phần đảm bảo ổn định và bền vững nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN).

Phạm vi nghiên cứu: Tập trung phân tích và đánh giá công tác quản lý thuế GTGT thông qua các chức năng quản lý thuế chủ yếu đối với toàn bộ các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thuộc sự quản lý của Văn phòng thuế thành phố.

### **3. Tầm quan trọng của đề án**

Đề án nhằm nâng cao công tác quản lý thuế, chống thất thu NSNN về sắc thuế GTGT. Qua đó, chỉ ra được những hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế để có những biện pháp hoàn thiện kiểm soát thuế GTGT, giảm thiểu gian lận về thuế, giảm thiểu thất thoát nguồn thu, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN được giao.

### **4. Kết cấu của đề án**

Chương 1: Thực trạng về công tác quản lý thuế GTGT của doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng.

Chương 2: Giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế GTGT của doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VĂN PHÒNG THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **1.1. Giới thiệu về Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

#### **1.1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

Từ ngày 01/7/2025 sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình 34 tỉnh, thành phố. Hệ thống thuế Việt Nam tổ chức tái cơ cấu và sắp xếp lại 20 Chi cục thuế khu vực thành 34 thuế tỉnh, thành phố cùng với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Hệ thống thuế cấp cơ sở tại địa phương chính thức được kiện toàn theo Quyết định số 1378/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo quyết định này, tên gọi, trụ sở và địa bàn quản lý của 350 Thuế cơ sở thuộc Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác lập thống nhất trên toàn quốc. Việc ban hành quy định mới nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong tổ chức bộ máy, phù hợp với mô hình tổ chức thuế mới theo địa giới hành chính cấp tỉnh.

Tính đến cuối năm 2025, Văn phòng thuế thành phố có tổng cộng 253 cán bộ, công chức so với 160 người trước khi sáp nhập do thực hiện tinh gọn bộ máy. Văn phòng thuế thành phố được tái cơ cấu lại thành 11 phòng chức năng, mỗi phòng đảm nhận nhiệm vụ cụ thể và phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý thuế.

### 1.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế

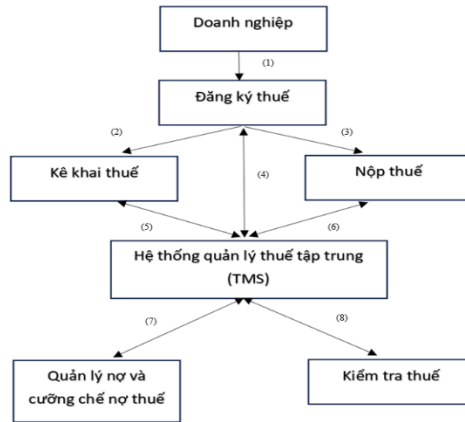
#### 1.1.2.1. Nhân tố về hệ thống chính sách

#### 1.1.2.2. Công tác phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan, tổ chức

#### 1.1.2.3. Nhân tố về cơ quan thuế

#### 1.1.2.4. Nhân tố về người nộp thuế

### 1.1.3. Quy trình quản lý thuế



**Hình 1.1: Quy trình quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp**

(Nguồn: Quyết định số 1795/QĐ-TCT (Tổng cục Thuế, 2025), thông tư 86/2024/TT-BTC (Bộ Tài chính, 2024))

(1) Doanh nghiệp đăng ký thuế, nhận thông báo cấp MST từ cơ quan cấp phép.

(2) Doanh nghiệp nộp hồ sơ kê khai thuế, quyết toán thuế, gia hạn, miễn giảm thuế cho cơ quan thuế để kiểm tra, kiểm soát theo quy định.

(3) Doanh nghiệp nộp thuế theo các nghĩa vụ tài chính phát sinh.

(4) (5) (6) Dữ liệu thông tin đăng ký thuế, kê khai thuế, chứng từ nộp thuế, sẽ được truyền và đồng bộ qua hệ thống TMS để CBT thực hiện rà soát, kiểm tra, đối chiếu theo quy trình.

(7) Hệ thống TMS cung cấp dữ liệu về tình trạng nghĩa vụ thuế, lịch sử nộp thuế... từ đó ban hành các quyết định cưỡng chế và ghi nhận trở lại hệ thống.

(8) CBT thực hiện kiểm tra thuế theo quy trình dựa trên thông tin từ hệ thống TMS, ứng dụng phân tích rủi ro (TPR) và ứng dụng quản lý kiểm tra thuế. Dữ liệu được cập nhật liên tục và đồng bộ trở lại hệ thống.

## **1.2. Thực trạng công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

### **1.2.1. Đặc điểm số lượng doanh nghiệp và thu thuế tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

**Bảng 1.1: Số lượng các doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng năm 2025**

| <b>Tên lĩnh vực – ngành nghề</b>                        | <b>Số lượng doanh nghiệp</b> | <b>Tỷ trọng (%)</b> |
|---------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------|
| 1. Lĩnh vực Bất động sản – xây dựng – khai khoáng       | 3.952                        | 38,4                |
| 2. Lĩnh vực Thương mại – dịch vụ - nhà hàng – khách sạn | 3.213                        | 31,27               |
| 3. Lĩnh vực Công nghiệp – Nông, lâm nghiệp - Khác       | 3.109                        | 30,26               |
| <b>Tổng cộng</b>                                        | <b>10.274</b>                |                     |

(Nguồn: Dữ liệu báo cáo và số liệu theo dõi trên hệ thống quản lý thuế TMS)

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn hằng năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Kể từ năm 2023, thực hiện công tác tăng cường Đề án chống thất thu thông qua các Chuyên đề cụ thể về các lĩnh vực: Khai thác khoáng sản, xây dựng, bất động sản,...; ngoài ra tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề, đặc biệt ở các ngành nghề có rủi ro về thuế cao, trong lĩnh vực xăng dầu, bất động sản, thương mại điện tử... xử lý các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp mang lại số thu thuế GTGT lớn cho Văn phòng thuế. Đồng thời việc xử phạt các hành vi vi phạm qua kiểm tra và đôn đốc nộp tiền phạt, tiền nợ thuế kịp thời cũng mang lại số thu lớn cho toàn ngành.

### **1.2.2. Quy trình quản lý thuế giá trị gia tăng tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

#### *1.2.2.1. Quản lý công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT*

Thực hiện tư vấn chính sách thuế qua điện thoại, trực tiếp tại cơ quan thuế, trả lời vướng mắc của NNT bằng văn bản và qua các kênh điện tử khác như: Hệ thống Thuế điện tử, Hộp thư điện tử của Phòng, Cổng thông tin điện tử của Thuế thành phố Đà Nẵng, phản ánh của NNT trên etax Mobile,... Thực hiện hỗ trợ NNT đối chiếu, rà soát số liệu kê khai với nộp thuế, đối chiếu, điều chỉnh tiền thuế nợ, tiền chậm nộp thông qua các hình thức công văn, điện thoại và trực tiếp tại cơ quan thuế.

#### **+ Công tác hỗ trợ NNT**

Trong năm 2025, Văn phòng thuế đã ban hành 336 văn bản trả lời vướng mắc về chính sách cho NNT; hỗ trợ 37.222 lượt NNT trực tiếp tại cơ quan thuế. Ngoài ra, CBT còn hỗ trợ NNT về mặt nghiệp vụ, trả

lời vướng mắc qua các kênh hỗ trợ khác, bao gồm: 42 lượt hỗ trợ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; 16 lượt hỗ trợ qua Tổng đài 1022; 59 lượt hỗ trợ qua ứng dụng eTax Mobile; 196 lượt hỗ trợ qua ứng dụng Thuế điện tử, 23.537 lượt hỗ trợ qua điện thoại, email, cổng khác,...

#### *1.2.2.2. Quản lý công tác đăng ký, kê khai, nộp thuế*

##### **+ Quản lý công tác đăng ký thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế**

Khi thực hiện thủ tục đăng ký thuế, doanh nghiệp mới thành lập cần chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ cần thiết trước khi nộp, bao gồm: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thông tin về người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

- Đối với hồ sơ đăng ký thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, bộ phận một cửa sẽ thực hiện tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký thuế của NNT. Sau đó hồ sơ sẽ được chuyển đến Phòng Nghiệp vụ – Dự toán – Pháp chế để xử lý và cập nhật thông tin đăng ký thuế vào hệ thống quản lý trong thời hạn 03 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế hoặc hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế được nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng theo cơ chế liên thông “một cửa”, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký mã số doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan này phải cập nhật đầy đủ và chính xác thông tin đăng ký thuế vào hệ thống để đồng bộ dữ liệu sang cơ quan thuế thông qua ứng dụng Quản lý thuế tập trung TMS trong vòng 24 giờ, mã số doanh nghiệp cũng đồng thời là MST doanh nghiệp. Sau khi tiếp nhận dữ liệu từ cơ quan đăng ký kinh doanh, Phòng Quản lý doanh nghiệp thuộc cơ quan thuế sẽ tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin và thông báo kết quả cho NNT. Sau

khi được cấp MST, thông tin hồ sơ NNT được chuyển vào các danh bạ của chương trình ứng dụng TMS để theo dõi tình hình thực hiện kê khai nộp thuế của từng NNT.

#### **+ Quản lý công tác kê khai thuế**

NNT thực hiện nộp hồ sơ kê khai thuế trực tiếp trên trang web Dịch vụ công thuế nhà nước. Sau khi NNT nộp hồ sơ khai thuế điện tử qua hệ thống, thông tin dữ liệu hồ sơ khai thuế được kiểm tra, nhận dữ liệu kê khai thuế của NNT vào hệ thống quản lý thuế TMS của cơ quan thuế. Nếu phát hiện hồ sơ có lỗi số học hoặc sai biểu mẫu thì hệ thống thông báo phản hồi để NNT biết, nộp lại tờ khai.

Hàng tháng, hàng quý trước thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của NNT, Phòng Quản lý doanh nghiệp sẽ rà soát nghĩa vụ kê khai trên hệ thống ứng dụng TMS và tự động tạo Thư nhắc nộp hồ sơ khai thuế. Nhờ vậy, số lượng hồ sơ nộp đúng hạn tăng qua từng năm, với tỷ lệ hồ sơ đã nộp đạt trên 99% và tỷ lệ nộp đúng hạn duy trì trên 98%, tiếp tục có xu hướng cải thiện ổn định.

Với các trường hợp không nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn, sau 5 ngày hết hạn nộp tờ khai thuế, CBT tiến hành đôn đốc NNT, ban hành “Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế lần 1”. Sau 5 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế lần 1, nếu NNT vẫn không nộp hồ sơ khai thuế, CBT tiếp tục ban hành “Thông báo yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế lần 2”. Nếu trễ hạn nộp hồ sơ khai thuế, CBT thực hiện lập biên bản Xử lý vi phạm hành chính thuế đối với không nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn.

#### **+ Quản lý công tác nộp thuế và xử lý chứng từ nộp**

Doanh nghiệp thực hiện nộp thuế theo kê khai hoặc quyết định của cơ quan thuế vào NSNN trực tiếp tại ngân hàng hoặc trên trang

web Dịch vụ công thuế nhà nước. KBNN sẽ truyền chứng từ nộp thuế sang hệ thống quản lý thuế TMS trong vòng 24 giờ. CBT sẽ kiểm tra chứng từ sau đó hạch toán số tiền thuế đã nộp vào Sổ theo dõi thu nộp thuế và các Sổ thuế có liên quan trên hệ thống quản lý thuế TMS. Quy trình đối chiếu được thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.

Tỷ lệ nộp thuế qua phương thức điện tử ngày càng gia tăng, phản ánh rõ sự cải thiện đáng kể trong quá trình chuyển đổi số của công tác quản lý thuế, đồng thời cho thấy mức độ chấp nhận của NNT cũng không ngừng được nâng cao.

#### 1.2.2.3. Quản lý công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Văn phòng thuế tiến hành phân loại tiền thuế nợ nhằm xác định tính chất và thời gian nợ của từng khoản nợ thuế. Việc phân loại thường dựa trên số ngày quá hạn như: nợ từ 1 đến 30 ngày, từ 31 đến 60 ngày, từ 61 đến 90 ngày, từ 91 đến 120 ngày và trên 121 ngày. Bên cạnh đó, các khoản nợ thuế cũng được phân loại theo tình trạng xử lý như: nợ đang khiếu nại, nợ đã hết thời gian gia hạn, nợ đang chờ xử lý, nợ khó thu hoặc nợ đang chờ điều chỉnh. Việc phân loại này để có cơ sở áp dụng các biện pháp quản lý và thu hồi nợ phù hợp.

Trên cơ sở kết quả phân loại, Văn phòng thuế thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nộp đối với từng loại nợ thuế bao gồm liên hệ nhắc nhở NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đúng hạn, ban hành gửi thông báo nợ thuế, hoặc yêu cầu giải trình về các khoản nợ phát sinh. Tùy thuộc vào thời gian nợ thuế của doanh nghiệp mà cán bộ thực hiện đôn đốc và áp dụng cưỡng chế bằng các biện pháp khác nhau. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định cưỡng chế tài khoản mà chưa thu được hoặc chưa thu được hết số tiền nợ thuế thì CBT tiếp tục ban hành các Quyết định cưỡng chế tiếp theo

như: Thông báo ngừng sử dụng hóa đơn, thu qua bên thứ 3, kê biên tài sản, thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh...

#### *1.2.2.4. Quản lý công tác kiểm tra thuế*

Hằng năm, cơ quan thuế tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Trước khi tiến hành lập kế hoạch kiểm tra, các Phòng Kiểm tra phải khảo sát, rà soát dữ liệu hồ sơ khai thuế của NNT. Thông qua việc tổng hợp và phân tích các nguồn dữ liệu này, CQT có thể đánh giá sơ bộ tình hình kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp, từ đó xác định những trường hợp có dấu hiệu rủi ro để đưa vào diện xem xét kiểm tra. Công tác kiểm tra thuế được triển khai dưới hai hình thức chủ yếu, bao gồm kiểm tra tại trụ sở CQT và kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của NNT.

Việc lập kế hoạch kiểm tra thuế trước hết nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng doanh nghiệp cần kiểm tra theo các chỉ tiêu quản lý được giao. Quá trình lựa chọn đối tượng kiểm tra được thực hiện dựa trên nhiều tiêu chí đánh giá rủi ro, chẳng hạn như các doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế, doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao liên quan đến thuế giá trị gia tăng đầu vào và đầu ra, hoặc các doanh nghiệp có số thuế giá trị gia tăng được hoàn với giá trị lớn. Bên cạnh đó, các yếu tố như quy mô doanh thu, khoảng thời gian chưa được kiểm tra và mức độ rủi ro tiềm ẩn trong việc kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp cũng được xem xét trong quá trình xây dựng kế hoạch. Trên cơ sở cân đối với nguồn lực kiểm tra hiện có, Phòng Kiểm tra thuế tiến hành lập danh sách các doanh nghiệp dự kiến kiểm tra trong năm. Trong quá trình kiểm tra thuế, cơ quan thuế áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra

bao gồm đối chiếu dữ liệu giữa tờ khai và hóa đơn điện tử nhằm phát hiện những chênh lệch hoặc dấu hiệu bất thường trong việc kê khai doanh thu và thuế giá trị gia tăng, so sánh doanh thu với các báo cáo tài chính, và phân tích rủi ro để phát hiện vi phạm.

### **1.3. Đánh giá thực trạng quản lý thuế giá trị gia tăng tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

#### **1.3.1. Những kết quả đạt được**

Thứ nhất, quản lý thu thuế theo mô hình chức năng đã tạo được những chuyển biến tích cực đối với các doanh nghiệp trong công tác quản lý thu thuế

Thứ hai, đã triển khai nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT và các chính sách thu thuế GTGT tại địa phương

Thứ ba, xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu thuế GTGT kịp thời theo quy định của Luật NSNN và các luật thuế hiện hành

Thứ tư, đã tổ chức thực hiện tương đối tốt các quy trình quản lý thuế GTGT

Thứ năm, từng bước hiện đại hóa ngành thuế, đưa công nghệ thông tin vào quản lý thuế, đây là nhân tố không thể thiếu trong quản lý hiện đại.

#### **1.3.2. Những vấn đề đặt ra**

Công tác quản lý thuế GTGT ở doanh nghiệp tại Văn phòng thuế đã đạt được nhiều thành tựu song vẫn còn tồn tại nhiều thách thức và hạn chế. Vấn đề xuất hiện ở từng chức năng quản lý, cụ thể:

- Hệ thống thông tin của ngành còn bị hạn chế trong việc khai thác dữ liệu, ảnh hưởng đến chất lượng và thời gian xử lý các biện pháp kiểm tra.

- Công tác đăng ký thuế và thay đổi thông tin đăng ký thuế phụ thuộc nhiều từ cơ quan đăng ký kinh doanh do cơ chế 1 cửa liên thông. Trong công tác kê khai thuế, hệ thống quản lý thuế tập trung chỉ kiểm tra được lỗi số học trên tờ khai thuế GTGT và không kiểm tra được tính toàn diện của tờ khai.

- Hệ thống TMS không được cập nhật dữ liệu thường xuyên dẫn đến thiếu nhiều thông tin của NNT như số tài khoản ngân hàng, dẫn đến công tác cường chế tài khoản vẫn chưa đạt được như mong muốn.

- Công tác xây dựng dự toán thu nộp hằng năm hiện vẫn còn mang tính bị động. Việc lập và triển khai dự toán chủ yếu tập trung đặt mục tiêu năm sau cao hơn số thực hiện của năm trước, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến việc dự báo các yếu tố biến động.

- Công tác kiểm tra chưa phát huy được hết khả năng, chưa triệt để. Tình trạng gian lận thuế vẫn còn nhiều, tình trạng thất thu vẫn còn xảy ra.

### **1.3.3. Nguyên nhân**

Đối với công tác quản lý thu thuế GTGT, quá trình thực hiện vẫn chịu tác động bởi hệ thống thủ tục hành chính còn phức tạp, nhiều bước trung gian và có sự chòng chéo giữa các quy định. Sự thiếu đồng bộ và thống nhất trong phối hợp giữa các bộ, ngành cũng như giữa các cấp quản lý đã phần nào làm giảm hiệu quả điều hành và giám sát. Mặt khác, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận NNT chưa thực sự nghiêm túc.

Tình trạng sử dụng hóa đơn không hợp pháp, mua bán hóa đơn trái phép vẫn diễn biến phức tạp với nhiều hình thức tinh vi, tiềm ẩn nguy cơ thất thu ngân sách và làm suy giảm hiệu quả quản lý thuế.

Thêm vào đó, trình độ chuyên môn và năng lực thực thi nhiệm vụ của đội ngũ công chức hiện nay vẫn chưa thực sự đồng đều giữa các bộ phận và cá nhân. Số lượng công chức hiện có cũng chưa tương xứng với khối lượng và yêu cầu ngày càng cao của công việc

## **CHƯƠNG 2: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THU THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VĂN PHÒNG THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.1. Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp tại Thuế thành phố Đà Nẵng**

- Mục tiêu chung của giải pháp là khắc phục các vấn đề trong công tác quản lý thuế GTGT tại Văn phòng thuế dựa trên thực trạng được phân tích tại Chương I.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Thứ nhất, nâng cao tính tuân thủ trong công tác kê khai và nộp thuế.

+ Thứ hai, giảm thiểu tình trạng nợ thuế và hạn chế thất thu NSNN.

+ Thứ ba, ngăn chặn hành vi thành lập doanh nghiệp “ma” và tăng cường phát hiện, xử lý hành vi trốn thuế.

+ Thứ tư, xây dựng môi trường quản lý thuế minh bạch và liêm chính.

+ Thứ năm, tối ưu hóa công tác quản lý thuế trên nền tảng công nghệ thông tin.

## **2.2. Cơ sở tiền đề cho việc đề xuất giải pháp**

### **2.2.1. Bối cảnh**

### **2.2.2. Cơ sở pháp lý của giải pháp**

## **2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

### **2.3.1. Giải pháp tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát tại các chức năng quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

#### **2.3.1.1. Chức năng tuyên truyền, hỗ trợ NNT**

Văn phòng thuế cần tập trung vào việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT. Cụ thể, cần tăng cường phổ biến kiến thức về thuế nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về vai trò và ý nghĩa của các khoản đóng góp từ thuế, từ đó hình thành ý thức tự giác trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh việc duy trì các hoạt động hỗ trợ trực tiếp, cần đẩy mạnh tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông địa phương với nội dung mang tính thời sự, như nghĩa vụ nộp thuế, tầm quan trọng của việc lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, cũng như khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt. Ngoài ra, có thể đổi mới hình thức tuyên truyền bằng cách tổ chức các cuộc thi sáng tác liên quan đến chủ đề thuế như viết bài, xây dựng kịch bản hoặc sáng tác ca khúc nhằm tạo sự lan tỏa trong cộng đồng. Đồng thời, cần tổ chức các lớp tập huấn cho doanh nghiệp khi có sự thay đổi về chính sách thuế, kết hợp với việc gửi thông tin qua thư điện tử để đảm bảo doanh nghiệp được tiếp cận kịp thời. Việc tổ chức đối thoại định kỳ giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp cũng là giải pháp cần thiết nhằm giải đáp vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế. Hoạt động tuyên truyền về thuế cần được bảo đảm

nguồn kinh phí phù hợp, được xác định trên cơ sở kế hoạch phát triển hằng năm cũng như định hướng dài hạn đối với công tác tuyên truyền thuế GTGT trong toàn ngành. Việc phân bổ nguồn lực tài chính hợp lý sẽ tạo điều kiện triển khai đồng bộ và hiệu quả các chương trình truyền thông thuế.

#### 2.3.1.2. Chức năng đăng ký, kê khai và nộp thuế

**Kiểm tra và giám sát chức năng đăng ký thuế:** Một trong những rủi ro phổ biến là tình trạng thông tin đăng ký của doanh nghiệp không đầy đủ; điển hình như việc kê khai địa chỉ kinh doanh không tồn tại trên thực tế hoặc thông tin về người đại diện theo pháp luật không đúng. Tại giai đoạn đăng ký thuế, Văn phòng thuế cần thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ ngay từ đầu nhằm đảm bảo chất lượng thông tin đầu vào của hệ thống quản lý. Cụ thể cán bộ công chức sẽ kiểm tra các thông tin gồm địa chỉ trụ sở kinh doanh, thông tin liên hệ của doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật như số điện thoại, địa chỉ thư điện tử. Đối với các trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có dấu hiệu bất thường, cần yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, điều chỉnh ngay. Đồng thời, đối với các doanh nghiệp mới thành lập hoặc nằm trong nhóm có dấu hiệu rủi ro, Văn phòng thuế chủ động thực hiện xác minh thực tế tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký.

**Kiểm tra và giám sát chức năng kê khai thuế:** Các rủi ro thường gặp có thể kể đến như việc nộp hồ sơ khai thuế không đúng thời hạn hoặc kê khai sai lệch số. Để giảm tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế chậm (chiếm khoảng gần 3% trên tổng số tờ khai, đã trình bày thực tế tại Chương I). Ngoài ra, Văn phòng thuế sẽ triển khai phần mềm kiểm tra tự động, tích hợp trong hệ thống dữ liệu TMS, để phát hiện các lỗi phổ biến như sai mẫu tờ khai, thiếu số liệu, hoặc chênh lệch giữa doanh

thu kê khai và dữ liệu hóa đơn điện tử phát hành. Khi phát hiện sai sót, hệ thống sẽ gửi thông báo yêu cầu chỉnh sửa trong vòng 3 ngày, đồng thời phân loại mức độ vi phạm để ưu tiên kiểm tra tại cơ quan thuế nếu cần thiết. Giải pháp này không chỉ giảm tải công việc thủ công mà còn nâng cao tính tuân thủ của NNT.

**Kiểm tra và giám sát chức năng nộp thuế:** Trong ngày làm việc, Văn phòng thuế cần thực hiện kiểm tra đối chiếu chứng từ nộp thuế được truyền về hệ thống quản lý thuế TMS. Quy trình bao gồm kiểm tra MST, số tiền, tiêu mục, tài khoản NSNN, mã địa bàn...phối hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng và KBNN khi phát hiện lỗi. Trường hợp phát hiện NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc có sai lệch trong quá trình nộp, Văn phòng thuế kịp thời thông báo, đôn đốc, đồng thời cập nhật vào danh sách nợ để có biện pháp xử lý trong các bước tiếp theo.

#### 2.3.1.3. Chức năng quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Hàng tháng, Văn phòng thuế sẽ gửi thông báo tiền thuế nợ, trong thông báo có nêu rõ loại thuế, số tiền thuế nợ, số tiền thuế nợ bị cưỡng chế. CBT sẽ phân tích cụ thể, hình thành một hệ thống biểu mẫu theo dõi các khoản nợ, số nợ, tuổi nợ của các doanh nghiệp. Xác định chính xác 100% số nợ dưới 30 ngày, từ 30 ngày đến 90 ngày, trên 90 ngày và nợ của các năm trước. Bên cạnh đó, Văn phòng thuế cần tiếp tục thực hiện phân loại nợ theo mức độ ưu tiên như nợ phát sinh mới, nợ tồn đọng và nợ có tài sản bảo đảm, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch cưỡng chế thu hồi nợ phù hợp, có trọng tâm và đảm bảo hiệu quả quản lý thu ngân sách. Đối với những khoản nợ có khả năng thu cần áp dụng các biện pháp như phát lệnh thu qua ngân hàng để trích tiền từ tài khoản, ngừng sử dụng hóa đơn,...theo Quyết định số 1795/QĐ-TCT (Tổng cục

Thuế, 2022), đồng thời phối hợp với cơ quan công an trong trường hợp NNT bỏ trốn hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính để xử lý hình sự theo quy định của Luật quản lý thuế. Đối với những khoản nợ do những doanh nghiệp đã giải thể, mất tích Văn phòng thuế cần làm hồ sơ trình Lãnh đạo Thuế thành phố, Cục Thuế làm thủ tục xoá nợ thuế.

Ngoài ra, Văn phòng thuế cần triển khai chương trình ứng dụng quản lý nợ và các phần mềm hỗ trợ việc thống kê, theo dõi số liệu giảm, miễn thuế, gia hạn nộp thuế khi Cục thuế triển khai để cập nhật thông tin kịp thời, đảm bảo việc phân loại nợ được chính xác.

#### *2.3.1.4. Chức năng kiểm tra thuế*

Giải pháp này dựa trên cơ sở pháp lý từ Quyết định 970/QĐ-TCT (Tổng cục Thuế, 2023) và Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Quốc hội, 2019). Theo đó, quá trình lập kế hoạch kiểm tra không nên thực hiện dàn trải mà cần định hướng trọng tâm vào các đối tượng có khả năng vi phạm cao. Văn phòng thuế xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro phù hợp với đặc điểm của từng nhóm doanh nghiệp như sau:

Thứ nhất, các đơn vị có mức độ tuân thủ pháp luật thuế thấp. Những biểu hiện của nhóm này có thể được nhận diện thông qua việc thường xuyên nộp hồ sơ khai thuế không đầy đủ thành phần theo quy định hoặc nộp chậm so với thời hạn quy định.

Thứ hai, doanh nghiệp mới thành lập hoặc các doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề thường xuyên phát sinh giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ cũng có thể là dấu hiệu liên quan đến hành vi mua bán hóa đơn trái phép.

Thứ ba, các doanh nghiệp có sự thay đổi đột biến về doanh thu hoặc số thuế phải nộp giữa các kỳ kê khai. Cụ thể, các trường hợp tăng hoặc giảm trên 30% so với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước thông qua các chỉ tiêu trên tờ khai thuế được xác định dựa trên hệ thống khai thác dữ liệu.

Thứ tư, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thông tin rủi ro doanh nghiệp.

### **2.3.2. Giải pháp tăng cường nhận diện rủi ro trong việc thành lập doanh nghiệp**

Thứ nhất, tăng cường ứng dụng công nghệ trong xác thực danh tính. Tích hợp các giải pháp như xác thực sinh trắc học (khuôn mặt, vân tay), đối chiếu thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, và sử dụng chữ ký số sẽ góp phần nâng cao độ tin cậy của quy trình định danh.

Thứ hai, để nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm, Văn phòng thuế tiến hành xác minh địa chỉ hoạt động thực tế của doanh nghiệp mới thành lập sẽ giúp kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, tình trạng sử dụng giấy tờ giả hoặc thuê người đứng tên thành lập doanh nghiệp.

Thứ ba, trên cơ sở khai thác dữ liệu từ ứng dụng quản lý thuế, Văn phòng thuế xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro như ngành nghề kinh doanh có khả năng phát sinh rủi ro cao về thuế, lịch sử tuân thủ pháp luật của người đại diện pháp luật, tần suất một cá nhân đứng tên thành lập nhiều doanh nghiệp trong thời gian ngắn, hoặc tình trạng nhiều doanh nghiệp đăng ký cùng một địa chỉ trụ sở. Từ đó, Văn phòng thuế có thể phân loại và xác định nhóm doanh nghiệp có

nguy cơ cao. Những trường hợp này cần được đưa vào diện giám sát trọng điểm ngay từ giai đoạn đầu hoạt động.

### **2.3.3. Giải pháp tăng cường quản lý rủi ro trong việc sử dụng hóa đơn điện tử**

Thứ nhất, Văn phòng thuế cần khai thác dữ liệu tối đa từ hệ thống quản lý thuế TMS và hệ thống hóa đơn điện tử. CBT cần tăng cường kiểm soát ngay từ giai đoạn doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, phải thực hiện rà soát đầy đủ hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp, bao gồm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thông tin về người đại diện pháp luật, địa điểm trụ sở và các điều kiện liên quan như số điện thoại, thư điện tử, cũng như đối chiếu với các danh sách cảnh báo rủi ro. Trong trường hợp doanh nghiệp không chứng minh được hoạt động kinh doanh thực tế sau khi được yêu cầu giải trình bằng văn bản và xác minh tại chỗ, Văn phòng thuế cần tiến hành đóng MST theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế 2019, để ngăn chặn rủi ro từ các tổ chức "ma" hoặc doanh nghiệp không hoạt động hợp pháp.

Thứ hai, CBT tiến hành rà soát các dấu hiệu bất thường như chênh lệch giữa doanh thu trên hóa đơn điện tử và doanh thu kê khai thuế, tình trạng không lập hóa đơn đối với doanh thu bán lẻ, hoặc sự không tương xứng giữa quy mô hoạt động và giá trị giao dịch.

Thứ ba, Văn phòng thuế có thể nhận diện các doanh nghiệp có dấu hiệu bán hóa đơn thông qua tiến hành phân tích dữ liệu hóa đơn ở cả hai chiều bán ra và mua vào.

Trên cơ sở đó, cần phát triển một hệ thống ứng dụng nhằm tự động đối chiếu dữ liệu kê khai thuế GTGT của NNT với dữ liệu hóa đơn điện tử. Khi phát hiện sự sai lệch hoặc chênh lệch lớn giữa hai

nguồn dữ liệu, hệ thống sẽ tự động phát sinh cảnh báo để thông báo cho NNT kiểm tra, điều chỉnh kịp thời thông qua việc kê khai bổ sung.

#### **2.3.4. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ**

Văn phòng thuế thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá gắn với kết quả đầu ra của từng vị trí công việc, thay vì chỉ dựa trên yếu tố định tính. Việc sử dụng cơ chế luân chuyển cán bộ cần được xem như một công cụ phát triển năng lực và kiểm soát rủi ro, qua đó hạn chế tình trạng trì trệ và nâng cao tính thích ứng của đội ngũ. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế giám sát và kỷ luật công vụ nhằm đảm bảo tính tuân thủ và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp.

Về phương diện đào tạo, cần chuyển trọng tâm sang đào tạo theo chiều sâu, gắn với yêu cầu thực tiễn của từng lĩnh vực quản lý thuế. Nội dung đào tạo nên tích hợp kiến thức liên ngành như kế toán, tài chính doanh nghiệp và phân tích dữ liệu, đồng thời cập nhật các xu hướng quản lý thuế hiện đại trên thế giới.

#### **2.3.5. Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin**

Thứ nhất, cần tập trung nâng cấp hệ thống quản lý thuế TMS theo hướng tăng cường tự động hóa các nghiệp vụ thủ công vốn đang chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động của CBT.

Thứ hai, đẩy mạnh công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế GTGT tại từng chức năng.

Thứ ba, cần nghiên cứu và triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ NNT và giảm tải khối lượng công việc hướng dẫn cho CBT.

## **2.4. Triển khai các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý thuế giá trị gia tăng tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng**

### **2.4.1. Lộ trình, tiến độ và phân công cụ thể**

### **2.4.2. Nguồn lực thực hiện**

### **2.4.3. Quản lý, rà soát rủi ro**

### **2.4.4. Kiểm soát tại các chức năng**

## **2.5. Kết quả và hiệu quả dự kiến**

### **2.5.1. Kết quả**

Trên cơ sở phân tích, đối chiếu dữ liệu hóa đơn điện tử với dữ liệu kê khai thuế, hệ thống sẽ xác định được các trường hợp có chênh lệch giữa doanh thu theo hóa đơn điện tử đã phát hành và doanh thu kê khai trên tờ khai thuế GTGT. Qua đó phát hiện các dấu hiệu kê khai sai, kê khai thiếu doanh thu hoặc không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Từ kết quả phân tích rủi ro, các phòng quản lý trực tiếp lập danh sách tổ chức kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đối với các trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, có yếu tố gian lận hoặc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, cơ quan thuế sẽ ban hành công văn chuyển cơ quan Công an phối hợp điều tra, xử lý theo quy định.

### **2.5.2. Hiệu quả**

Giải pháp được xây dựng với mục tiêu tăng cường hiệu quả quản lý thuế GTGT thông qua việc ứng dụng và liên kết dữ liệu trên các hệ thống công nghệ thông tin của ngành Thuế.

Hiệu quả nổi bật của giải pháp thể hiện ở ba khía cạnh chính:

- Thứ nhất, nâng cao khả năng phát hiện rủi ro dựa trên dữ liệu.

Giải pháp cho phép khai thác, đối chiếu và phân tích dữ liệu tập trung

từ các ứng dụng quản lý thuế, từ đó xác định dấu hiệu bất thường về doanh thu, thuế GTGT đầu ra – đầu vào, tình trạng sử dụng hóa đơn.

- Thứ hai, góp phần hạn chế thất thu NSNN

- Thứ ba, nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp nhận thức được rằng cơ quan thuế có khả năng phân tích, đối chiếu dữ liệu một cách toàn diện và chính xác, mức độ tự giác chấp hành pháp luật thuế sẽ được cải thiện.

## KẾT LUẬN

Công tác quản lý thuế, đặc biệt đối với thuế GTGT giữ vị trí trung tâm trong việc đảm bảo tính bền vững của nguồn thu NSNN, đồng thời góp phần kiến tạo môi trường kinh doanh minh bạch và bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế. Trên cơ sở đó, đề án đã tập trung khảo sát, phân tích và đánh giá toàn diện thực trạng quản lý thuế GTGT đối với doanh nghiệp tại Văn phòng thuế thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn ba năm gần đây. Nội dung nghiên cứu được triển khai theo chuỗi quy trình quản lý thuế, bao gồm: lập dự toán thu, đăng ký và kê khai thuế, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, quản lý nợ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế, cũng như hoạt động kiểm tra thuế.

Kết quả phân tích cho thấy, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận như việc tuân thủ tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ theo quy định của cơ quan thuế cấp trên, cùng với việc từng bước ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong quản lý, đơn vị đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách và cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế nhất định, đặc biệt trong tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ, cũng như trong việc vận dụng các công cụ phân tích rủi ro. Việc chưa triển khai hiệu quả hệ thống tiêu chí đánh giá rủi ro đã dẫn đến khả năng phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi gian lận, sai sót về thuế từ phía doanh nghiệp còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ thất thu ngân sách.

Từ thực trạng đó, đề án đề xuất một số định hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT theo hướng hiện đại và hiệu quả hơn. Trọng tâm là tăng cường khả năng nhận diện sớm các rủi ro, đặc biệt liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công

nghệ thông tin trong toàn bộ quy trình quản lý thuế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời tăng cường cơ chế giám sát ở tất cả các khâu từ đăng ký, kê khai, nộp thuế đến quản lý nợ và kiểm tra thuế. Bên cạnh đó, đề án cũng kiến nghị các điều kiện hỗ trợ từ các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình triển khai các giải pháp.

Trong tổng thể các công cụ quản lý, hoạt động kiểm tra thuế được xác định là một cầu phân then chốt, không chỉ có chức năng phát hiện và xử lý vi phạm mà còn đóng vai trò phòng ngừa hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật thuế. Đồng thời, công tác này còn là kênh thông tin quan trọng để đánh giá hiệu quả quản lý của cơ quan thuế, từ đó kịp thời điều chỉnh chính sách và hoàn thiện cơ chế quản lý.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế nói chung và hạn chế thất thu nói riêng, cần đặc biệt chú trọng đến yếu tố con người. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBT theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ, cùng với việc bố trí nhân sự phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc của từng bộ phận sẽ là điều kiện tiên quyết để đảm bảo hiệu quả triển khai các nhiệm vụ quản lý thuế.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, đề án vẫn còn những hạn chế do phạm vi nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn còn chưa toàn diện. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện thông qua các ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và giảng viên là cần thiết nhằm nâng cao giá trị ứng dụng của nghiên cứu trong thực tiễn quản lý thuế.